

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ  
MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **1052/2024/DS-PT**

Ngày: 18 - 12 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng dân  
sự

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Út**

*Các Thẩm phán:* Bà **Nguyễn Thị Thoa**

Ông **Nguyễn Tiến Dũng**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Lâm Hy Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:* Ông **Phạm Duy Tuấn** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 08, ngày 18, ngày 28 tháng 11 và ngày 18 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số A N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 797/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 385/2024/DS-ST ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận I Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5636/2024/QĐPT-LĐ ngày 22/10/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 16307/2024/QĐ-PT ngày 08/11/2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 17234/2024/QĐ-PT ngày 28/11/2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Phương Hồng H**, sinh năm 1983

Cư trú tại: Số E đường H, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông **Trần Thu N**, sinh năm 1976 - Luật sư Văn phòng L và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Cư trú tại: Số B, ngõ H T, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

**Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ.**

Trụ sở tại: Lầu A, số A đường B, Phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1982 – Chức vụ: Giám đốc; Cư trú tại: Chung cư D R, Đường A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần Thị Yên T1**, sinh năm 1984. Cư trú tại: Căn hộ M, chung cư Q, số D Đ, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền ngày 23/9/2024 của Công ty Cổ phần Đ) (xin vắng mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Huỳnh Kim T2**, sinh năm 1971; Cư trú tại: Số E đường H, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

- Bà **Phạm Thị Ngọc T3**, sinh năm 1987; Cư trú tại: Số G đường C, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

*Người kháng cáo:* Nguyên đơn Bà Lê Thị Phương Hồng H và bị đơn Công ty Cổ phần Đ.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Phương Hồng H trình bày:*

Ngày 14/12/2020, bà ký Hợp đồng đại lý theo hình thức chiết khấu thương mại số.../HĐDL-TTL1/202011 (gọi tắt là Hợp đồng) với Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty). Thời gian thực hiện Hợp đồng từ ngày 14/12/2020 đến hết ngày 13/12/2021. Theo Hợp đồng, bà làm đại lý phân phối các khóa học online Siêu Trí Nhớ Học Đường theo hình thức trả trước. Để được công nhận là Đại lý cấp 1, bà phải thanh toán trả trước cho Công ty số tiền 1.000.000.000 đồng để Công ty chuyển cho bà 2.857 tài khoản, mỗi tài khoản trị giá 350.000 đồng.

Việc thanh toán tiền của bà cho Công ty như sau: Bà mua lại suất Đại lý của bà Phạm Thị Ngọc T3 là người đã nộp cho Công ty số tiền 500.000.000 đồng theo các Giấy nộp tiền ngày 24/11/2020 số tiền 450.000.000 đồng và Giấy ủy nhiệm chi ngày 12/12/2020 số tiền 50.000.000 đồng từ Ngân hàng S vào tài khoản 060159439812 của Công ty mở tại Ngân hàng S. Bà đã thanh toán lại khoản tiền 500.000.000 đồng cho bà T3. Việc chuyển nhượng giữa bà với bà T3 được Công ty đồng ý nên ngày 14/12/2020 Công ty mới ký Hợp đồng với bà. Ngày 10/12/2020, bà nhờ chồng bà là ông Huỳnh Kim T2 thanh toán cho Công ty số tiền còn lại 500.000.000 đồng bằng hình thức ủy nhiệm chi từ số tài khoản 198789489 mở tại Ngân hàng A sang số tài khoản của Công ty S1 mở tại Ngân hàng A- Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài số tiền 1.000.000.000 đồng đã thanh toán, bà bỏ nhiều chi phí để làm các chương trình, giới thiệu, quảng bá sản phẩm ở các trường học, nên bà được tặng thêm 268 tài khoản. Tổng số tài khoản bà được phân phối là

3.125 tài khoản (2.857 + 268). Hiện tại mới bán (kích hoạt) được 61 tài khoản. Số tài khoản còn lại chưa bán, (chưa kích hoạt) là 3.064 tài khoản.

Về quy trình bán sản phẩm, kích hoạt tài khoản: Khi bán tài khoản cho phụ huynh học sinh nào đó, bà khai thông tin về trường, lớp của học sinh, số điện thoại, email của phụ huynh học sinh đó lên trang web của Công ty. Sau khi khai xong thì Công ty nhắn tin vào số điện thoại của phụ huynh mật khẩu để kích hoạt, đăng nhập vào tài khoản để sử dụng. Bản thân người làm đại lý cấp 1 như bà không tự kích hoạt được tài khoản để sử dụng cho người mua tài khoản.

Theo nội dung Giấy phép số: 2158/GDD-TC cấp ngày 26/6/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố H cấp cho Công ty thì mục tiêu và nội dung đào tạo là rèn luyện kỹ năng giáo dục cho người học năng động, linh hoạt; rèn kỹ năng tập trung ghi nhớ, tự tin và hình thành những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực trong các mối quan hệ, các tình huống sinh hoạt hàng ngày phù hợp với lứa tuổi; sử dụng chương trình và nội dung đào tạo theo nội dung bộ tài liệu thực hành kỹ năng sống N1, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm dành cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở. Nhưng, sản phẩm Siêu Trí Nhớ Học Đường của Công ty bán cho bà theo hình thức đại lý đa cấp lại không đúng Giấy phép số: 2158/GDD-TC. Giấy phép này đã hết hạn vào ngày 26/6/2021 nhưng thời hạn hợp đồng Công ty ký với bà đến hết ngày 13/12/2021.

Ngoài ra, trong thời gian ký Hợp đồng với bà, việc phát hành phần mềm (app) năm phút thuộc bài của Công ty chưa có giấy phép của Sở T4, trang web 5phutthuocbai chưa được Bộ C cấp phép hoạt động thương mại điện tử. Sau khi thu tiền của bà thì Công ty không xuất hóa đơn V.A.T cho bà là vi phạm Luật Thuế Giá trị gia tăng.

Bà H yêu cầu Tòa án tuyên:

Chấm dứt hợp đồng đại lý theo hình thức chiết khấu thương mại số.../HĐĐL-TTL1/202011 ngày 14/12/2020 giữa bà và Công ty;

Buộc Công ty trả lại cho bà số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng, trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H trình bày: Trước đây bà yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt hợp đồng đại lý theo hình thức chiết khấu thương mại số.../HĐĐL-TTL1/202011 ngày 14/12/2020 giữa bà và Công ty, buộc Công ty trả lại cho bà số tiền 1.000.000.000 (Một tỉ đồng), trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Nay, bà yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng đại lý theo hình thức chiết khấu thương mại số.../HĐĐL-TTL1/202011 ngày 14/12/2020 giữa bà và Công ty là vô hiệu, buộc Công ty trả lại cho bà số tiền 700.000.000 (Bảy trăm triệu đồng), trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Bà H không có yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc yêu cầu nào khác. Bà H đồng ý bàn giao (trả) 2.996 tài khoản chưa bán (chưa kích hoạt) cho Công ty

(được bà H liệt kê tại Bản khai nộp cho Tòa án ngày 09/7/2024) ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Đối với yêu cầu của Công ty trong Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 04/7/2024 về việc: Trong trường hợp Tòa án tuyên hợp đồng vô hiệu, xét thấy Nguyên đơn có lỗi trong việc không có năng lực bán hàng, không đảm bảo tư cách chủ thể khi giao kết hợp đồng, Bị đơn đề nghị Tòa án tuyên Nguyên đơn có lỗi và bồi thường thiệt hại cho Bị đơn các chi phí quản lý, triển khai hợp đồng, với số tiền tương đương 151.076.250 đồng và chi phí duy trì server là: 12.079.458 đồng. Bà H đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty vì không có căn cứ pháp luật.

*Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, Công ty Cổ phần Đ có người đại diện theo ủy quyền là ông Đào Tiến P, bà Võ Thị Thái V trình bày:*

Ngày 14/12/2020, Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty) có ký hợp đồng có tiêu đề “Hợp đồng đại lý theo hình thức chiết khấu thương mại” (gọi tắt là Hợp đồng) để làm đại lý phân phối sản phẩm khóa học trực tuyến Siêu Trí Nhớ Học Đường (gọi tắt là STNHD) do Công ty phát hành theo hình thức trả trước. Theo Hợp đồng và Đơn đăng ký làm Đại lý STNHD, bà H đã đăng ký gói 1.000.000.000 đồng để trở thành Đại lý cấp 1 phân phối sản phẩm STNHD gồm 2.857 tài khoản. Việc đăng ký của bà H thông qua nhận chuyển nhượng suất Đại lý với bà Phạm Thị Ngọc T3, đã đăng ký làm Đại lý cấp 1 và thanh toán 500.000.000 đồng trước đó và thanh toán thêm 500.000.000 đồng còn lại cho Công ty bằng tài khoản của ông Huỳnh Kim T2- Chồng bà H. Thực tế sau chiết khấu số tiền thực nhận của Công ty là 950.000.000 đồng. Số tiền chiết khấu đã được hoán đổi một phần thành khóa học và chuyển trả lại cho bà H số tiền 28.714.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty L1 phối hợp cùng với bà H giải quyết những vấn đề phát sinh khi bán sản phẩm cho khách hàng. Nhận thấy bà H đã bỏ thêm công sức và chi phí để làm các chương trình giới thiệu, quảng bá sản phẩm ở các trường học nên Công ty cũng đã tặng thêm 268 tài khoản mà không thu thêm bất kỳ chi phí nào. Sau quá trình kinh doanh không hiệu quả, bà H xin trả lại sản phẩm và hoàn tiền, hai bên đã có nhiều cuộc trao đổi để tháo gỡ nhưng chưa thống nhất được phương án giải quyết.

Nguyên đơn cho rằng sản phẩm Siêu Trí Nhớ Học Đường của Công ty không đúng giấy phép hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố H, Bị đơn thấy rằng Nguyên đơn đã hiểu không đúng bản chất. Cụ thể sản phẩm của Công ty là sản phẩm dịch vụ phần mềm ứng dụng được cung cấp trên nền tảng website như quy định rõ tại Hợp đồng, không phải là khóa học theo Giấy phép của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố H và không thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố H (sản phẩm phần mềm ứng dụng không cần xin phép Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố H).



Đối với hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa được Công ty đăng ký với Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố H là hoạt động giảng dạy riêng tại trụ sở của Công ty. Đối với hoạt động này, Công ty luôn thực hiện việc gia hạn khi hết hạn, có giai đoạn bị chậm gia hạn là do đang trong giai đoạn căng thẳng của dịch Covid nên Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố H không tổ chức cấp phép và trung tâm kỹ năng sống cũng không hoạt động trong mùa dịch.

Đối với phần mềm “5 phút thuộc bài” do Công ty phát hành, đây là sản phẩm công nghệ dựa trên hoạt động sản xuất phần mềm của Công ty. Căn cứ Phụ lục IV Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Luật Đầu tư 2020 thì sản xuất phần mềm không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Đồng thời, theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 13/2020/TT-BTTTT do Bộ T5 ban hành ngày 03/7/2020 quy định việc xác định hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm đáp ứng quy trình thì hoạt động sản xuất một sản phẩm phần mềm của tổ chức được xác định là hoạt động sản xuất phần mềm đáp ứng quy trình khi tổ chức thực hiện ít nhất một trong hai công đoạn: Xác định yêu cầu, phân tích và thiết kế quy trình tương ứng, vì thế không yêu cầu phải có giấy phép con riêng để phục vụ mục đích hoạt động kinh doanh này. Do đó, việc bà H cho rằng phần mềm này chưa có giấy phép của Sở Thông tin và Truyền thông là hoàn toàn không có cơ sở. Ngoài ra, để đảm bảo quy định pháp luật về ưu đãi thuế, Công ty đã thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mục tiêu hoạt động “sản xuất phần mềm”, và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 8712673465 ngày 22/11/2021, tên dự án đầu tư: sản xuất sản phẩm phần mềm giáo dục.

Đối với website <https://5phutthuocbai.com> (gọi tắt là website) của Công ty, đây là website dùng để bán các khóa học của Công ty. Căn cứ quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số: 85/2021/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 25/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử thì Công ty phải thông báo với Bộ C về việc thiết lập website thương mại điện tử bán hàng. Theo đó, Công ty cũng đã tuân thủ quy định pháp luật nêu trên, có thể kiểm tra tại website: [online.gov.vn](http://online.gov.vn) hoặc dẫn chứng bằng việc website đã được Bộ C cấp mã nhúng và thể hiện “Dấu Tick xanh-Đã thông báo Bộ C” dưới chân website. Vì thế, bà H khẳng định website của Công ty chưa được Bộ C cấp phép hoạt động là hoàn toàn không chính xác.

Về cáo buộc kinh doanh đa cấp, đây là ý kiến hoàn toàn không chính xác vì các lý do sau đây: Căn cứ khoản 1 Điều 3 Nghị định số: 40/2018/NĐ-CP thì “Kinh doanh theo phương thức đa cấp là hoạt động kinh doanh sử dụng mạng lưới người tham gia gồm nhiều cấp, nhiều nhánh, trong đó, người tham gia được hưởng hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác từ kết quả kinh doanh của mình và của những người khác trong mạng lưới”. Theo đó Công ty chỉ bán hàng cho từng đại

lý độc lập (ở đây là bà H), và các đại lý tự đi bán hàng của mình, không tạo cơ chế chi tiền theo mạng lưới. Công ty không tổ chức nhiều cấp, nhiều nhánh phụ thuộc nhau. Việc Công ty có chính sách thưởng đại lý là nhằm khuyến khích các đại lý phân phối, tỷ lệ thưởng tất nhiên phải theo doanh thu, đây là một chính sách phổ biến mà các công ty bán hàng phải áp dụng để khuyến khích các nhà phân phối của mình. Về việc xuất hóa đơn đối với sản phẩm Siêu trí nhớ học đường, Công ty đã xuất hóa đơn với số tiền 950.000.000 đồng. Số tiền 50.000.000 đồng còn lại đã được bà H chuyển thành một phần khóa học và ấn phẩm, đồng thời đã nhận lại số tiền 28.714.000 đồng vào ngày 25/02/2021. Do đó việc nói Công ty không xuất hóa đơn là không chính xác. Mặc dù Hợp đồng có tên gọi là Hợp đồng đại lý theo hình thức chiết khấu thương mại nhưng tên gọi không phải là yếu tố quyết định mà là sự thỏa thuận tại Hợp đồng. Hợp đồng này có đủ các yếu tố là hợp đồng phân phối sản phẩm mua đứt bán đoạn với các yếu tố sau: Điều 8.1.1 của Hợp đồng nêu rõ Bên B là bà H có toàn quyền sở hữu đối với những hàng hóa, sản phẩm đã nhận từ Công ty. Trong khi theo quy định tại Điều 170 Luật Thương mại thì quyền sở hữu thuộc về Bên giao đại lý. Đây là yếu tố cơ bản phân biệt quan hệ đại lý và mua bán. Điều 8.1.2 của Hợp đồng nêu rõ theo nhu cầu thị trường và khả năng phân phối của mình, Bên B có quyền ấn định số lượng đơn hàng. Điều 8.2.1 nêu rõ Bên B có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng cho Bên A. Việc quy định giá bán nhằm là thỏa thuận giữa hai bên nhằm đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng.

Về thời hạn thực hiện hợp đồng: Căn cứ vào Điều 10.1 của Hợp đồng, thời hạn thực hiện hợp đồng là từ ngày 14/12/2020 đến hết ngày 13/12/2021, tính đến thời điểm này hợp đồng đã hết hạn. Căn cứ vào Điều 10.2.1 của Hợp đồng, Hợp đồng này đã đương nhiên chấm dứt do không được hai bên gia hạn. Hai bên đã chấm dứt mọi quyền và nghĩa vụ với nhau kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt. Do đó sau ngày Hợp đồng này đã chấm dứt, bà H bắt đầu yêu cầu hoàn tiền là không có căn cứ. Trước khi ký Hợp đồng, bà H cũng đã chấp nhận điều khoản phải thanh toán trước giá trị mua hàng rồi mới nhận được sản phẩm. Hơn nữa, nội dung Hợp đồng cũng nêu rõ việc đăng ký gói sản phẩm sẽ phụ thuộc vào nhu cầu và khả năng của đại lý và phải chịu trách nhiệm đối với số lượng sản phẩm này. Do vậy, khi bà H đăng ký gói Đại lý cấp 1 đã khiến Công ty T6 rằng bà H đã có những chiến lược kinh doanh đối với số lượng sản phẩm lớn như vậy, hoặc ít nhất đã có những kênh phân phối nhất định. Trong quá trình kinh doanh, Công ty luôn có những chính sách và hoạt động quảng cáo, tiếp thị để hỗ trợ các đối tác nói chung và bà H nói riêng trong việc bán hàng. Mọi chính sách đưa ra từng thời điểm đều phù hợp với quy định của pháp luật và đều công khai đến đối tác một cách kịp thời. Việc kinh doanh thành công hay thất bại còn phụ thuộc vào năng lực cá nhân của từng người, không thể có lợi nhuận thì lấy, thua lỗ thì tìm mọi lý do để yêu cầu trả lại hàng hóa.

Kể từ ngày ký Hợp đồng cho tới khi Tòa án thụ lý vụ án, Công ty luôn đồng hành và hỗ trợ bà H trong việc bán sản phẩm cho khách hàng. Ngay cả khi bà H có ý định trả lại toàn bộ sản phẩm và đòi lại tiền vì không bán được hàng mặc dù trong Hợp đồng không có điều khoản quy định trả/nhận lại hàng, Công ty cũng đã đưa ra những chính sách khác để hỗ trợ bà H cho dù đây không phải là nghĩa vụ bắt buộc và cũng không được thỏa thuận trong Hợp đồng, cụ thể: Tháng 12/2022, Công ty đồng ý thu hồi các sản phẩm chưa bán được và thanh toán số tiền còn lại sau khi trừ các chi phí hợp lý trong vòng 06 tháng. Nhưng bà H không đồng ý và yêu cầu phải thu hồi và thanh toán lại trong vòng 03 tháng nên thỏa thuận này đã không thực hiện được. Tháng 4/2023, Công ty đã đề xuất thêm một số phương án khác như: Hỗ trợ chuyển nhượng suất đại lý khi có đối tác mới có nhu cầu, hoặc đổi sang ứng dụng “5 phút thuộc bài” để bán cho các khóa hè, hoặc hàng tháng Công ty sẽ đứng ra bán một số tài khoản tương đương 10.000.000 đồng và gửi số tiền này đến bà H. Nhưng bà H cũng không đồng ý với bất cứ phương án nào nêu trên. Mặc dù không đạt đến thỏa thuận chung nhưng Công ty vẫn luôn có thiện chí hỗ trợ, tìm mọi phương án để giải quyết, đáp ứng nhu cầu của bà H. Công ty đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đào Tiến P, bà Võ Thị Thái V trình bày: Đối với yêu cầu trong Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 04/7/2024 nộp cho Tòa án về việc: Trong trường hợp Tòa án tuyên hợp đồng vô hiệu, xét thấy Nguyên đơn có lỗi trong việc không có năng lực bán hàng, không đảm bảo tư cách chủ thể khi giao kết hợp đồng, Bị đơn đề nghị Tòa án tuyên Nguyên đơn có lỗi và bồi thường thiệt hại cho Bị đơn các chi phí quản lý, triển khai hợp đồng với số tiền 151.076.250 đồng và chi phí duy trì server là 12.079.458 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, Công ty xin rút lại yêu cầu này. Công ty không đồng ý các yêu cầu của bà H, đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

*Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Kim T2 trình bày:* Ngày 10/12/2020, ông có chuyển số tiền 500.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty) theo yêu cầu của vợ ông là bà Lê Thị Phương Hồng H. Việc giao dịch giữa bà H và Công ty, ông không biết nội dung mà thực hiện theo yêu cầu của bà H. Số tiền 1.000.000.000 (Một tỉ) đồng theo đơn khởi kiện của bà H là tài sản chung của vợ chồng. Ông đồng ý với yêu cầu của bà H, đề nghị Tòa án buộc Công ty trả lại cho bà H số tiền 1.000.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T2 trình bày: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H về việc: Tuyên Hợp đồng đại lý theo hình thức chiết khấu thương mại số.../HĐĐL-TTL1/202011 ngày 14/12/2020 ký kết giữa bà H và Công ty là vô hiệu, yêu cầu Công ty trả cho bà H số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng), trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ông T2 không có yêu cầu độc lập, không có ý kiến hoặc yêu cầu nào khác.

*Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ngọc T3 trình bày:* Số tiền 500.000.000 đồng bà đã chuyển cho Công ty để làm đại lý phân phối sản phẩm siêu trí nhớ học đường (5 phút thuộc bài) bà đã chuyển nhượng suất làm đại lý cấp 1 này cho bà H và đã nhận đủ số tiền 500.000.000 đồng. Bà cũng chưa ký bất cứ văn bản nào với Công ty. Bà đề nghị Tòa án buộc Công ty trả số tiền 500.000.000 đồng cho bà H. Đây là số tiền mà bà H đã thanh toán cho bà đã mua lại suất làm đại lý cấp 1.

Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 08/7/2024 nộp cho Tòa án, bà Phạm Thị Ngọc T3 trình bày: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H về việc: Tuyên Hợ đồng đại lý theo hình thức chiết khấu thương mại số.../HĐDL-TTL1/202011 ngày 14/12/2020 ký kết giữa bà H và Công ty là vô hiệu, yêu cầu Công ty trả cho bà H số tiền 700.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Bà T3 không có yêu cầu độc lập, không có ý kiến hoặc yêu cầu nào khác.

***Tại bản án dân sự sơ thẩm 385/2024/DS-ST ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:***

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn- bà Lê Thị Phương Hồng H:**

- Tuyên bố Hợ đồng đại lý theo hình thức chiết khấu thương mại số.../HĐDL - TTL1/202011 ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa bà Lê Thị Phương Hồng H và Công ty Cổ phần Đ là vô hiệu.

- Buộc Công ty Cổ phần Đ trả cho bà Lê Thị Phương Hồng H số tiền 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật bà Lê Thị Phương Hồng H có trách nhiệm bàn giao (trả) ngay 2.996 tài khoản chưa bán (chưa kích hoạt) cho Công ty Cổ phần Đ (được bà H liệt kê tại Bản khai nộp cho Tòa án ngày 09/7/2024).

**2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty Cổ phần Đ về việc:** Trong trường hợp Tòa án tuyên hợ đồng vô hiệu, xét thấy Nguyên đơn có lỗi trong việc không có năng lực bán hàng, không đảm bảo tư cách chủ thể khi giao kết hợ đồng, Bị đơn đề nghị Tòa án tuyên Nguyên đơn có lỗi và bồi thường thiệt hại cho Bị đơn các chi phí quản lý, triển khai hợ đồng với số tiền 151.076.250 đồng và chi phí duy trì server: 12.079.458 đồng.



Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/7/2024, bị đơn Công ty Cổ phần Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 25/7/2024, nguyên đơn bà Lê Thị Phương Hồng H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Hội đồng xét xử công bố biên bản thỏa thuận giữa nguyên đơn bà Lê Thị Phương Hồng H và bị đơn Công ty Cổ phần Đ như sau:

- Bà H đồng ý trả lại cho Công ty Đ số lượng tài khoản app 5 phút thuộc bài đã mua và được nhận tặng thêm tổng cộng là 2.996 tài khoản.

- Bà H đồng ý trả lại cho Công ty Đ 950 cổ phần của Công ty cổ phần Đ.

- Công ty Đ đồng ý trả lại cho bà H số tiền 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng. Thời gian thanh toán cụ thể như sau:

+ Ngày 12/12/2024: Thanh toán số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng;

+ Ngày 20/01/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

+ Ngày 20/02/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

+ Ngày 20/3/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

+ Ngày 20/4/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

+ Ngày 20/5/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

+ Ngày 20/6/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

+ Ngày 20/7/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

+ Ngày 20/8/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

+ Ngày 20/9/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

+ Ngày 20/10/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

- Trường hợp Công ty Đ vi phạm về thời hạn thanh toán của bất kỳ lần thanh toán nào thì bà H được quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền còn lại chưa thanh toán.

Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn Công ty Cổ phần Đ tự nguyện chịu.

Nguyên đơn bà Lê Thị Phương Hồng H và bị đơn Công ty Cổ phần Đ có đơn xin vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên. Đồng thời người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Kim T2 và bà Phạm Thị Ngọc T3 có đơn xin vắng mặt.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:**

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật. Đơn kháng cáo của đương sự nằm trong hạn luật định nên hợp lệ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Các đương sự chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

#### **1. Về tố tụng:**

Ngày 23/7/2024, bị đơn Công ty Cổ phần Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và ngày 25/7/2024, nguyên đơn bà Lê Thị Phương Hồng H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Xét, kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

- Nguyên đơn bà Lê Thị Phương Hồng H và bị đơn Công ty Cổ phần Đ có người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị Yến T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Kim T2 và bà Phạm Thị Ngọc T3 đều có đơn xin vắng mặt nên căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

#### **2. Về nội dung:**

Tại biên bản thỏa thuận giữa nguyên đơn bà Lê Thị Phương Hồng H và bị đơn Công ty Cổ phần Đ như sau:

- Bà H đồng ý trả lại cho Công ty Đ số lượng tài khoản app 5 phút thuộc bài đã mua và được nhận tặng thêm tổng cộng là 2.996 tài khoản.

- Bà H đồng ý trả lại cho Công ty Đ 950 cổ phần của Công ty cổ phần Đ.

- Công ty Đ đồng ý trả lại cho bà H số tiền 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng. Thời gian thanh toán cụ thể như sau:

+ Ngày 12/12/2024: Thanh toán số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng;

+ Ngày 20/01/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

+ Ngày 20/02/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

+ Ngày 20/3/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

+ Ngày 20/4/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

- + Ngày 20/5/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;
- + Ngày 20/6/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;
- + Ngày 20/7/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;
- + Ngày 20/8/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;
- + Ngày 20/9/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;
- + Ngày 20/10/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

- Trường hợp Công ty Đ vi phạm về thời hạn thanh toán của bất kỳ lần thanh toán nào thì bà H được quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền còn lại chưa thanh toán.

Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn Công ty Cổ phần Đ tự nguyện chịu.

- Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái quy định pháp luật. Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Công ty Cổ phần Đ tự nguyện chịu.

Án phí dân sự phúc thẩm:

+ Nguyên đơn bà Lê Thị Phương Hồng H phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0023498 ngày 26/7/2024 của Chi cục Thi hành Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bị đơn Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0023486 ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi hành Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều khoản 2 Điều 148; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

### ***Tuyên xử:***

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 385/2024/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Bà H đồng ý trả lại cho Công ty Đ số lượng tài khoản app 5 phút thuộc bài đã mua và được nhận tặng thêm tổng cộng là 2.996 tài khoản.

- Bà H đồng ý trả lại cho Công ty Đ 950 cổ phần của Công ty cổ phần Đ.

- Công ty Đ đồng ý trả lại cho bà H số tiền 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng. Thời gian thanh toán cụ thể như sau:

+ Ngày 12/12/2024: Thanh toán số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng;

+ Ngày 20/01/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

+ Ngày 20/02/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

+ Ngày 20/3/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

+ Ngày 20/4/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

+ Ngày 20/5/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

+ Ngày 20/6/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

+ Ngày 20/7/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

+ Ngày 20/8/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

+ Ngày 20/9/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

+ Ngày 20/10/2025: Thanh toán số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

- Trường hợp Công ty Đ vi phạm về thời hạn thanh toán của bất kỳ lần thanh toán nào thì bà H được quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền còn lại chưa thanh toán.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty Cổ phần Đ về việc: Trong trường hợp Tòa án tuyên hợp đồng vô hiệu, xét thấy Nguyên đơn có lỗi trong việc không có năng lực bán hàng, không đảm bảo tư cách chủ thể khi giao kết hợp đồng, Bị đơn đề nghị Tòa án tuyên Nguyên đơn có lỗi và bồi thường thiệt hại cho Bị đơn các chi phí quản lý, triển khai hợp đồng với số tiền 151.076.250 đồng và chi phí duy trì server: 12.079.458 đồng.



#### 4. Về án phí:

##### - Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.000.000 (Ba mươi hai) đồng, nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.078.893 (Bốn triệu không trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm chín mươi ba) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23P, số: 0039537 ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Đ còn phải nộp thêm số tiền là 27.921.107 (Hai mươi bảy triệu chín trăm hai mươi một nghìn một trăm lẻ bảy) đồng.

Bà Lê Thị Phương Hồng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà H số tiền 21.300.000 (Hai mươi một triệu ba trăm nghìn) đồng theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0003186, AA/2022/0003187 ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

##### - Án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Lê Thị Phương Hồng H phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0023498 ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0023486 ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### 5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Toà án nhân dân Quận 1;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, TP. HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Vp, Hs (T18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC  
THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



**Phan Thị Út**